Machine Translated by Google

Người giám hộ Lịch Người giám hộ Quản lý thời gian Thời đại mới

1. Tháng sao

Tuần 1	1	C	2	3	4	5	6	7	F	W	1							
Tuần 2	1		2	3	4	5	6	7	F	W	2	1						
Tuần 3	1		2	3	4	5	6	7	C	W	3	1						
Tuần 4	1		2	3	4	5	6	7	F	W	4	1						

2. Tháng chủ nhật

	1		2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 tháng										

3. Tháng sao Thủy

Tuần 1	1		2	3	4	5	6	7	C	W	1							
Tuần 2	1		2	3	4	5	6	7	F	W	2	1						
Tuần 3	1		2	3	4	5	6	7	F	W	3	1						
Tuần 4	1		2	3	4	5	6	7	M	W	4	1						

4. Tháng sao Kim

	1		2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giây										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										

5. Tháng Trái Đất

Tuần 1	1		2	3	4	5	6	7	C	W	1							
Tuần 2	1		2	3	4	5	6	7	F	W	2	1						
Tuần 3	1		2	3	4	5	6	7	C	W	3	1						
Tuần 4	1		2	3	4	5	6	7	F	W	4	1						

6. Tháng âm lịch

	1		2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giây										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										

7. Tháng sao Hỏa

Tuần 1	1		2	3	4	5	6	7	C	W	1							
Tuần 2	1		2	3	4	5	6	7	F	W	2	1						
Tuần 3	1		2	3	4	5	6	7	C	W	3	1						
Tuần 4	1		2	3	4	5	6	7	F	W	4	1						

8. Tháng sao Mộc

	1		2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giây										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										

9. Tháng sao Thổ

Tuần 1	1		2	3	4	5	6	7	C	W	1							
Tuần 2	1		2	3	4	5	6	7	F	W	2	1						
Tuần 3	1		2	3	4	5	6	7	C	W	3	1						
Tuần 4	1		2	3	4	5	6	7	F	W	4	1						

10. Tháng sao Thiên Vương

	1		2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giây										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										

11. Tháng Hải Vương Tinh

Tuần 1	1		2	3	4	5	6	7	C	W	1							
Tuần 2	1		2	3	4	5	6	7	F	W	2	1						
Tuần 3	1		2	3	4	5	6	7	C	W	3	1						
Tuần 4	1		2	3	4	5	6	7	F	W	4	1						

12. Tháng sao Diêm Vương

	1		2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giây										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										
			2	3	4	5	6	7 giờ sáng										

13. Tháng dương lịch

Tuần 1	1		2	3	4	5	6	7	C									
Tuần 2	1		2	3	4	5	6	7	F									
Tuần 3	1		2	3	4	5	6	7	C									
Tuần 4	1		2	3	4	5	6	7	F									

14. Tháng lễ Vượt Qua

	1	Lễ	Vượt	Qua														
Quattro năm																		
	1		2	Lễ	Vượt	Qua	Quattro											

Machine Translated by Google

Lịch CG

Người giám hộ Thuật ngữ trung bình của Người giám hộ Quản lý thời gian Thời đại mới: Lịch CG (Lịch CG, chủ đề Ngày vui, cách sử dụng Lịch, Lịch CG mở rộng)

1 Thiên Chúa tạo ra thời gian để đo lường sự bắt đầu và kết thúc!

Chủ đề Ngày vui Ngày tháng

Ngày đầu năm mới 1.1.1

Ngôi sao
Mặt trời
Thủy ngân
sao Kim
Trái đất
Mặt trăng
Sao Hỏa
Sao Mộc
Sao Thổ
Sao Thiên Vương
Hải Vương Tinh
Sao Diêm Vương
Mặt trời
Lễ Vượt Qua

Ngày hoa nở 2.1.7 Ngày nhân
3.1.7 Ngày trẻ em 4.1.7
Ngày lao động 5.1.7 Ngày giáo dục
6.1.7 Ngày ông bà 7.1.7
Ngày vũ trụ 8.1.7 Ngày
môi trường sống 9.1.7 Ngày
của cha 10.1.7 Ngày sinh tồn
11.1.7 Ngày sức khỏe tốt
12.1.7 Ngày cây bụi
13.1.7 Ngày lễ Vượt qua
14.1.7

Ngày
Shire Ngày 1.3.7 Ngày
Nạn nhân Tội phạm Ngày 2.4.7 Ngày Nạn
nhân Chiến tranh Ngày 3.4.7 Ngày Ô
nhiễm Ngày 4.2.7 Ngày của Mẹ
Ngày 5.3.7 Ngày Thuốc diệt
cỏ Ngày 6.2.7 Ngày Dinh dưỡng
Ngày 7.3.7 Ngày Holocaust Ngày
8.2.7 Ngày CROn Ngày 9.3.7
Ngày Mỡ 10.2.7 Ngày Thú
cưng Ngày 11.3.7 Ngày
Nghiện ngập Ngày
12.2.7 Ngày Cây xanh Ngày 13.3.7
Ngày Quattro Ngày
14.0.2 C > Ngày Lễ kỷ niệm

Ngày F > Ngày Vui vẻ Ngày M > Ngày Tưởng niệm Ngày S > Ngày Xấu hổ Lịch CG thay thế tất cả các ngày khác! Với Lịch CG, ngày đầu tiên của năm luôn là ngày đầu tiên của tuần. Mỗi năm, ngày sinh của một người đều vào cùng một ngày trong tuần. Bạn không cần phải có một cuốn lịch mới mỗi năm!

Năm chuẩn: (365 ngày) 14 tháng (13 tháng, mỗi tháng 28 ngày, 1 tháng có 1 ngày) 52 tuần (mỗi tuần có 7 ngày)

Quattro Year: (cứ 4 năm, 366 ngày) 14 tháng (13 tháng, mỗi tháng 28 ngày, 1 tháng có 2 ngày) 52 tuần (mỗi tuần có 7 ngày)

Bốn năm : 0, 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44, 48, 52, 56, 60..

Năm 0 của Lịch CG (NAtm) là năm 2004 theo lịch ngoại giáo! Năm 18 của NAtm là năm 2022 theo lịch ngoại giáo!

Ví dụ về NAtm: Sinh vào

ngày 1 của năm 10, 10.1.1.1 > Năm 10, Tháng 1, Tuần 1, Ngày 1.

Machine Translated by Google

Sinh nhật hàng năm đều rơi vào cùng một ngày.

Ngày 1 Lễ Vượt Qua năm 71, 71.14.1 > Năm 71, Tháng 14, Ngày 1.

Ngày 2 Lễ Vượt Qua thứ tư năm 52, 52.14.2> Năm 52, Tháng 14, Ngày 2.

Lưu ý! Lễ Vượt Qua, Bốn tháng Lễ Vượt Qua không có tuần.

Lịch CG mở rộng

1. Tháng sao

W1 01 1 C 001 6 006 7 F 007 2 002 3 003 4 004 5 005 W2 02 1 008 6 013 7 F 014 2 009 3 010 4 011 5 012 2 016 4 018 6 020 7 C 021 W3 03 1 015 3 017 5 019

5 026 6 027 7 F 028 W4 04 1 022 2 023 3 024 4 025 2. Tháng chủ nhật

W1 01 1 029 W2 02 2 030 2 3 031 4 032 4 5 033 6 034 6 7 C 035
1 036 W3 03 1 043 037 2 3 038 3 039 4 5 040 5 041 6 7 F 042
W4 04 1 050 3.Tháng 044 2 045 3 046 4 047 5 048 6 7 F 049
sao Thủy 051 052 053 054 055 7 tháng 056

W1 01 2 058 06 65 73 W2 02 1 064 2 3 059 4 060 4 5 061 6 062 6 7 C 063
1 071 2 072 W4 04 1 078 2 079 4. 3 066 3 067 4 5 068 5 069 6 7 F 070
Tháng sao Kim 1 085 2 086 W1 01 073 3 074 4 075 5 076 6 7 F 077
W2 02 1 092 2 093 W3 03 1 099 W4 080 081 082 083 7 tháng 084

04 1 106 5. Tháng Trái

Đất 3 087 3 4 088 5 089 5 6 090 7 C 091
094 3 095 4 096 4 6 097 7 S 098
2 100 101 3 102 5 103 4 109 6 104 7 Nữ
2 107 108 5 110 105 6 111 7 Nữ 112

W1 01 1 113 2 114 3 115 4 116 5 117 6 118 7 C 119
W2 02 1 120 2 121 3 122 4 123 5 124 6 125 7 F 126
W3 03 1 127 2 128 3 129 4 130 5 131 6 132 7 C 133
W4 04 1 134 2 135 3 136 4 137 5 138 6 139 7 F 140

6. Tháng âm lịch

W1 01 1 141 2 142 3 143 4 144 5 145 6 146 7 C 147
W2 02 1 148 2 149 3 150 4 151 5 152 6 153 7 S 154
W3 03 1 155 1 2 156 3 157 4 158 5 159 6 160 7 F 161
W4 04 162 2 163 3 164 4 165 5 166 6 167 7 F 168

Machine Translated by Google

7. Tháng sao Hỏa

W1 01 1 169 2 170 W2 02 1 3 171 4 172 5 173 6 174 7 C 175
176 2 177 W3 03 1 183 2 3 178 4 179 5 180 6 181 7 F 182
184 W4 04 1 190 2 191 8. 3 185 4 186 5 187 6 188 7 C 189
Tháng sao Mộc 2 198 2 205 3 192 4 193 5 194 6 195 7 F 196

W1 01 W2 1 197 3 199 4 200 5 201 6 202 7 C 203
02 W3 03 1 204 3 206 4 207 5 208 6 209 7 S 210
W4 04 1 218 1 211 2 212 3 213 4 214 5 215 6 216 7 Nữ 217
9. Tháng sao Thổ 2 219 3 220 4 221 5 222 6 223 7 Nữ 224

W1 01 1 225 2 226 3 227 4 228 5 229 6 230 7 C 231
W2 02 1 232 2 233 3 234 4 235 5 236 6 237 7 F 238
W3 03 1 239 2 240 3 241 4 242 5 243 6 244 7 C 245
W4 04 1 246 2 247 3 248 4 249 5 250 6 251 7 F 252

10. Tháng sao Thiên Vương

W1 01 1 253 2 254 W2 02 1 3 255 4 256 5 257 6 258 7 C 259
260 2 261 1 267 2 268 W3 03 3 262 4 263 5 264 6 265 7 S 266
11. Tháng W4 04 1 274 2 275 3 269 4 270 5 271 6 272 7 Nữ 273
sao Hải Vương W1 01 1 281 2 3 276 4 277 5 278 6 279 7 F 280

282 W2 02 1 288 2 289

W3 03 2 296 1 295 W4 04 1 3 283 4 284 5 285 4 6 286 7 C 287
302 2 303 12. Tháng sao Diêm 3 290 291 5 292 4 298 6 293 7 Nữ 294
Vương 3 297 5 299 5 306 4 6 300 7 C 301
3 304 305 6 307 7 F308

W1 01 1 309 2 310 W2 02 1 3 311 4 312 5 313 6 314 7 C 315
316 2 317 W3 03 1 323 2 3 318 4 319 5 320 6 321 7 S 322
324 W4 04 1 330 2 331 13. 3 325 4 326 5 327 6 328 7 F329
Tháng dương lịch W1 01 1 3 332 4 333 5 334 6 335 7 F 336

337 2 338 3 339 4

340 5 341 6 342 7 C 343 W2 02 1 344 2 345 3 346 4 347 5 348 6 349 7 F 350
W3 03 1 351 2 352 3 353 4 354 5 355 6 356 7 C 357 W4 04 1 358 2 359 3 360
4 361 5 362 6 363 7 F 364

Machine Translated by Google

14. Lễ Vượt Qua tháng 1 C

365 Lễ Vượt Qua Bốn

năm 1 C 365

2C 366 Lễ Vượt Qua Tuần 3

Tuần 1 Tuần 2 Tuần 4 Cuối tuần Ngày 2 Ngày 5

Ngày 1 Ngày thứ 6 Ngày Ngày Ngày Ngày 4 CG bắt đầu Năm, 0 Ngày vui (Lịch ngoại giáo lỗi

1 thánh Ngày thứ 2 thời năm 2004 Ngày thứ 4 Ngày thứ 5 thứ 7

< .. 532057 51 2052 46 2050 44 2048 50 2054 49 2053 47 2054 48 2056 41 2045 40

45 2049 432047 3772038 3812036 3522036 3692028 2802032 30 2034 2044 39 2043 34 2038 322036 332037 31 2035

29 2033 27 2031 242029 2022 112025 16 2017 26 2030 24 2028 25 2029 16 2020 17 2021 15 2019

4 2008 5 2009 3 2007 11 2015 8 2012 9 2013 7 2011

14 2018 10 2014

6 2010 2 2006 mới 1 2005 0 2004 Thời đại

-1 2003 -2 2002 -9 -5 1999 -7 1997 -16 1988 -15 1989 -6 1998 -8 1996 -12 1992 2001 -4 2000

1995 -10 1994 -18 1985 -20 1984 -21 1983 -22 1982 -23 1981 1990 -19 -13 1991 -14

1987 -26 1986 -17 -24 1980 -28 1976 -27 1977 -29 1975 -30 1974 -31 1973 -32 1972

1979 -33 1978 -25 -38 1966 -35 1969 -36 1968 -37 1967 -39 1965 -40 1964 -46 1958 -48 1956

1971 -34 1970 -41 1957 -51 1953 -52 1952 -53 1951 -54 1950 -55 1949

1963 -42 1962 -49

1955 -50 1954 ..>

Hãy tham gia cùng chúng tôi! Trải nghiệm phương pháp quản lý thời gian mới của Custodian Guardian!

Quản lý thời gian trung hạn theo phong cách New Age bao gồm việc lập kế hoạch. Vào cuối một năm chuẩn, một kế hoạch cho năm tiếp theo được lập và kế hoạch trước đó được phân tích. Vào cuối mỗi 4 năm, một kế hoạch bốn năm được lập cho 4 năm tiếp theo và kế hoạch trước đó được phân tích.

Lên kế hoạch cầu nguyện 1 Chúa đang chờ đợi để nghe từ bạn!

Kính gửi Chúa, Đấng Tạo Hóa của Vũ trụ tươi đẹp nhất Xin hãy lắng nghe kế hoạch của con và xin hãy ủng hộ kế hoạch của con Con sẽ lập kế hoạch hàng tuần, hàng năm và hàng bốn năm Xin hãy giúp con lập kế hoạch một cách khôn ngoan với một chút táo bạo Cảm ơn Chúa, vì Người Lập Kế Hoạch của con Người bảo vệ-người giám hộ khiêm nhường và trung thành nhất của Chúa (1 thánh tên) Vì Vinh quang của Chúa và vì lợi ích của nhân loại